

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2020
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng - Bà Phan Thị Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 10/8/2020 tại Hội trường xét xử TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2020/TLST- HNGĐ ngày 01/6/ 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/ QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/QĐ-HPT ngày 29/7/2020.

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh ngày 17/9/1991.

Nơi ĐKKHKT: xóm 15, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Võ Duy M, sinh ngày 08/4/1986.

Nơi ĐKKHKT: xóm 15, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị O, nội dung bản tự khai của nguyên đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Võ Duy M tổ chức cưới vào tháng 06/2010 âm lịch. Trước khi cưới chị O, anh M có yêu đương tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, sau đó tổ chức cưới hỏi theo phong tục được sự đồng ý của gia đình hai bên. Trước khi cưới anh M, chị O đã đến UBND xã M làm thủ tục đăng ký kết hôn được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 50 ngày 26/7/2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị O trình bày là do anh M thường giao du với bạn bè xấu, dẫn đến nghiện ngập, chị O đã khuyên bảo anh M từ bỏ thói hư tật xấu để vợ chồng tiếp sống với nhau, nhưng anh M không từ bỏ được ngày càng hư hỏng hơn và sau đó anh M đã vi phạm pháp luật bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 15/5/2020 anh M mãn hạn tù về thì anh M đã nghỉ ngơi chị O có

quan hệ với người đàn ông khác, nên anh M gây chuyện chửi bới, dùng tay chân đâm đá vào mặt chị O gây đau đớn về thể xác và tinh thần cho chị O. Cũng trong thời gian này chị O thấy anh M không từ bỏ được ma túy, chị O thấy mất tương lai và niềm tin đối với chồng, nên chị đã bỏ về bên ngoại sống ly thân, cắt đứt các quan hệ đối với anh M từ ngày 19 tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được hai gia đình vận động vun vén, góp ý đoàn tụ nhưng chị O không chấp nhận. Sau đó anh M vẫn tiếp tục gọi điện hòa giải, níu kéo hôn nhân, nhưng chị O xác định mất hết tình cảm, tình yêu, niềm tin đối với anh M, nên chị O từ chối việc duy trì hôn nhân đối anh M. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị O xác định hôn nhân giữa chị và anh M đã hoàn toàn đổ vỡ, không thể hàn gắn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Võ Duy M để ổn định cuộc sống.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Võ Thị Phương N(Giới tính: nữ), sinh ngày 05/6/2011 và cháu Võ Duy A(Giới tính: nam), sinh ngày 20/10/2015. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, con chung do chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh M cũng thường xuyên đến thăm nom chăm sóc con chung. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị O đề nghị Tòa giao hai con chung cho chị nuôi, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Duy M, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu anh M có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của anh để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị O cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa giữa chị O và anh M cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

XÉT THẤY:

+/Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị O, bị đơn anh Võ Duy M, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng anh M không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị O có mặt, bị đơn anh Võ Duy M vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều

227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Võ Duy M.

- Về nội dung:

+) Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Võ Duy M đảm bảo đúng qui định của pháp luật, hôn nhân giữa chị O và anh M là hoàn tự nguyện. Anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 50 ngày 26/7/2010, qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị O và anh Võ Duy M là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của chị Nguyễn Thị O nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai của chị O có tại hồ sơ, trình bày của chị O tại phiên tòa; Căn cứ vào các tài liệu do chị O cung cấp có tại hồ sơ thấy rằng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị O và anh M đã xảy ra rất trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân là do vợ chồng sống thiếu niềm tin đối với nhau trong quan hệ hôn nhân, vợ không thông cảm cho chồng khi chồng có thói hư tật xấu nghiện ma túy, dẫn đến vi phạm pháp luật hình sự. Do chị O mất hết tình cảm, tình yêu đối với anh M nên chị không có ý thức níu kéo hôn nhân mà bỏ mặc hậu quả xảy ra, không quan tâm đến anh M về mọi mặt. Quá trình làm việc tại Tòa án anh M không có mặt trong những lần hòa giải, tòa án đã vận động chị O suy nghĩ lại để rút đơn ly hôn, vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng mục đích hôn nhân, nhưng chị O xác định không thể đoàn tụ vì đã mất hết tình cảm, niềm tin đối với chồng. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị O và anh M đã thực sự tan rã, đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, nay chị O yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn anh M là có căn cứ, cần chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Võ Duy M.

+) Về quan hệ con chung: Sau khi hôn nhân đổ vỡ, hai con chung của vợ chồng được chị O trực tiếp về bên ngoại trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tuy anh M có đi lại thăm nom chăm sóc con chung thể hiện người bố có trách nhiệm đối với con chung. Nhưng qua xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương thấy rằng anh M vừa mãn hạn tù, thường xuyên vắng nhà, nếu giao con cho anh M nuôi thì sẽ không đảm bảo quyền lợi của con chung. Xét điều kiện nuôi con thì chị O có điều kiện nuôi con tốt hơn anh M, hơn nữa con chung cũng có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp với mẹ, nên chị O đề nghị giao hai con chung cho chị nuôi là đúng phù hợp với nguyện vọng của con chung, cần chấp nhận giao hai con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn thuộc nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con. Chị O yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là đúng. Tuy nhiên với điều kiện hoàn cảnh của anh M chị O yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là quá cao. Xét thấy anh M có nghề nghiệp lao động phổ thông, thu nhập không ổn định, cần buộc anh M cấp dưỡng nuôi hai con cùng với chị O mỗi tháng 1.400.000 đồng là phù hợp với pháp luật và điều kiện của anh hiện nay.

+) Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu tòa giải quyết, nên miễn xét.

+) Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị O phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58; 81; 82; 83; 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình .

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Võ Duy M.

- **Về quan hệ con chung:** Giao 02 con chung cháu Võ Thị Phương N(Giới tính: nữ), sinh ngày 05/6/2011 và cháu Võ Duy A(Giới tính: nam) sinh ngày 20/10/2015 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Buộc: Anh Võ Duy Mâu phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị Nguyễn Thị O mỗi tháng 1.400.000đ(Một triệu bốn trăm nghìn đồng), mỗi cháu 700.000đ(Bảy trăm nghìn đồng) tháng, kể từ tháng 8/2020 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị O làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu anh Võ Duy M không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26; Điều 27, điểm e điều 11 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0007359 ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, chị Nguyễn Thị O đã nộp đủ án phí.

- Buộc: Anh Nguyễn Duy M phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm,

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS H.Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- Chi cục THA DS H.Yên Thành
- TAND tỉnh NA
- UBND xã M(ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu hs, VP

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc